

Bản án số: 18/2021/KDTM-ST
Ngày: 13-9-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thế Anh

Bà Đỗ Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-KDTM ngày 14/01/2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-KDTM ngày 16/4/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 04/2021/QĐST- KDTM ngày 24/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ trụ sở chính: Số 18 L, phường T, quận C, thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: Tầng 3 Tòa nhà MBBank - Số 6 Lô 30A L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn O sinh năm 1984; địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà MBBank - Số 6 Lô 30A L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 1688/UQ-HS ngày 21/6/2017); có mặt

- Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương binh A; địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Văn N - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Thương binh A; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với Công ty Cổ phần Thương binh A (Sau đây viết tắt là Công ty) có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 09.13.264.89639.TD ngày 07/02/2013 số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay 3.200.000.000 đồng, có Khế ước nhận nợ số LD1303800467 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 09); Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 98.12.264.89639.TD ngày 01/12/2012 số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay 1.600.000.000 đồng, có Khế ước nhận nợ số LD1233600025 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 98); Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 97.12.264.89639.TD ngày 30/11/2012 số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay 3.300.000.000 đồng, có Khế ước nhận nợ số LD1233500666 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 97); Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 61.12.264.89639.TD ngày 31/7/2012 số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay 1.700.000.000 đồng, có Khế ước nhận nợ số LD1221300412 (Sau đây viết tắt là Hợp đồng số 61). Tổng số tiền Ngân hàng đã cho Công ty vay là 9.800.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn và lãi suất vay theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp là tất cả các hạng mục công trình (gồm: Nhà xưởng sản xuất số 01 diện tích xây dựng 1.200m²; nhà công nhân; cổng tường rào bao quanh nhà máy; đường nội bộ; nhà xưởng sản xuất số 02 diện tích xây dựng 1.200m²; nhà xưởng sản xuất số 03 diện tích xây dựng 1.102,5m²; nhà điều hành, nhà ăn, nhà nghỉ công nhân; nhà kho xưởng sản xuất diện tích 1.200m² đã; trạm biến áp 500KVA-35/0,4KV; nhà làm việc phân xưởng sản xuất và các tài sản phát sinh) xây dựng trên diện tích đất 12.038.2m² đất thuê 40 năm (từ 2003 đến năm 2043) tại xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số giấy chứng nhận BM 316955, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 00829 do UBND thành phố Hải Phòng cấp cho chủ sử dụng là Công ty Cổ phần Thương binh A (Sau đây viết tắt là Tất cả các hạng mục công trình xây dựng trên thửa đất theo số Giấy chứng nhận BM 316955) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số Số công chứng: 26/TC-CC5, Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/01/2009 và Văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp (tại Văn phòng công chứng An Phát thành phố Hải Phòng ngày 31/8/2011 số công chứng 6342, quyền số 4).

Quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ Công ty mới trả được một phần nợ gốc và lãi, đến ngày 02/11/2013 Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng bên vay đều không thực hiện được. Năm 2019 Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án nhân huyện An Dương, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo yêu cầu Ngân hàng nộp chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp nhưng thời điểm đó do điều kiện khách quan nên Ngân hàng không nộp. Ngày 30/7/2020 Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án số 06 với lý do Ngân hàng không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 217 của BLTTDS và cho Ngân hàng được quyền khởi kiện lại vụ án.

Sau khi Tòa án đình chỉ, bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện lại và người đại diện hợp pháp yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả

nợ Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2021 là 27.143.272.330 đồng; trong đó nợ của Hợp đồng số 09 tiền gốc là 3.050.000.000 đồng, lãi trong hạn là 280.933.333 đồng, lãi quá hạn là 5.845.633.333 đồng; nợ của Hợp đồng số 98 tiền gốc là 1.350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 196.266.667 đồng, lãi quá hạn là 2.988.666.667 đồng; nợ của Hợp đồng số 97 tiền gốc là 2.621.159.299 đồng, lãi trong hạn là 359.333.333 đồng, lãi quá hạn là 5.677.347.647 đồng; nợ của Hợp đồng số 61 tiền gốc là 1.350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 128.382.050 đồng, lãi quá hạn là 3.295.550.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục Công ty trả lãi phát sinh từ ngày 29/7/2021; yêu cầu phát mại tài sản thế chấp và các tài sản phát sinh sau thế chấp như đã trình bày để Ngân hàng thu hồi nợ trong trường hợp bên vay không trả nợ.

Trong các Văn bản gửi Tòa án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày: Công ty có quan hệ tín dụng với Ngân hàng bởi các hợp đồng tín dụng, số tiền được giải ngân và thế chấp tài sản như Ngân hàng trình bày là đúng. Quá trình trả nợ do khủng hoảng kinh tế kéo dài, kinh doanh gặp khó khăn không có doanh thu; năm 2018 cháy nhà kho phải tái đầu tư khắc phục thiệt hại, ổn định lại sản xuất, dịch bệnh Covid-19 kéo dài, phức tạp dẫn đến hàng hóa không sản xuất lưu thông được. Bị đơn đề nghị được trả nợ nguyên đơn thời gian đầu mỗi tháng 50.000.000 đồng vào dư nợ gốc, thời gian tiếp theo sẽ nâng mức trả nợ từ 70.000.000 đến 100.000.000 đồng; đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện miễn lãi cho Công ty.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tại Hợp đồng số 61, Hợp đồng số 97, Hợp đồng số 98 và Hợp đồng số 09 tính đến ngày 28/7/2021 là 27.143.272.330 đồng; trong đó nợ của Hợp đồng số 09 tiền gốc là 3.050.000.000 đồng, lãi trong hạn là 280.933.333 đồng, lãi quá hạn là 5.845.633.333 đồng; nợ của Hợp đồng số 98 tiền gốc là 1.350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 196.266.667 đồng, lãi quá hạn là 2.988.666.667 đồng; nợ của Hợp đồng số 97 tiền gốc là 2.621.159.299 đồng, lãi trong hạn là 359.333.333 đồng, lãi quá hạn là 5.677.347.647 đồng; nợ của Hợp đồng số 61 tiền gốc là 1.350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 128.382.050 đồng, lãi quá hạn là 3.295.550.000 đồng; bị đơn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số nợ trên từ ngày 29/7/2021. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại Tất cả các hạng mục công trình xây dựng trên thửa đất theo số Giấy chứng nhận BM 316955 để nguyên đơn thu hồi nợ. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt người đại diện không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ Điều 227 của BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi và xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Vụ án này năm 2019 đã được Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý nhưng sau đó Tòa án ra quyết định đình chỉ số 06 ngày 30/7/2020 với lý do nguyên đơn là Ngân hàng không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 của BLTTDS. Nay Ngân hàng tiếp tục khởi kiện vụ án không khác về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ tranh chấp nên cần xem xét.

[3.1] Về hậu quả của việc đình chỉ vụ án trong trường hợp nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 của BLTTDS theo quy định của pháp luật hiện nay:

[3.1.1] Khoản 1 Điều 218 của BLTTDS quy định: Khi có quyết định đình chỉ vụ án, đương sự không có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu không có gì khác về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ tranh chấp. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

[3.1.2] Mục 5 phần IV Giải đáp nghiệp vụ số 02 ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 của BLTTDS thì: "Sau khi thụ lý vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án dân sự trong các trường hợp sau đây:đ) Nguyên đơn không nộp tiền chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của bộ luật này". Trường hợp Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án dân sự vì lý do "Nguyên đơn không nộp tiền chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác" thì nguyên đơn không có quyền khởi kiện lại để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án như đối với trường hợp rút đơn khởi kiện.

[3.2] Như vậy, việc trước đây Ngân hàng không nộp chi phí tố tụng để tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu phát mại tài sản thế chấp và lần khởi kiện này không có gì khác về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ tranh chấp so với lần khởi kiện trước đây nên Ngân hàng không có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu về phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bên vay không trả được nợ. Quan điểm về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả được nợ của nguyên đơn và của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ chấp nhận. Cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của BLTTDS đình chỉ yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3.3] Về yêu cầu đòi nợ gốc, lãi: Đây là tiền, là tài sản của Ngân hàng nên Ngân hàng có quyền khởi kiện lại, Tòa án cần xem xét giải quyết.

[3.3.1] Việc các bên thừa nhận có quan hệ tín dụng thuộc trường hợp không phải chứng minh, Tòa án công nhận đó là sự thật.

[3.3.2] Đối với số dư nợ gốc và tiền lãi phát sinh, quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã nhận được các thông báo về tiền gốc lãi, được Tòa án yêu cầu bằng văn bản trình bày quan điểm về dư nợ gốc lãi nhưng không có ý kiến phản đối.

[3.3.3] Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, khẳng định được năm 2013 Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc Ngân hàng yêu cầu bên vay phải thanh toán tổng số tiền còn nợ đến ngày 28/7/2021 là 27.143.272.330 đồng; trong đó nợ của Hợp đồng số 09 tiền gốc là 3.050.000.000 đồng, lãi trong hạn là 280.933.333 đồng, lãi quá hạn là 5.845.633.333 đồng; nợ của Hợp đồng số 98 tiền gốc là 1.350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 196.266.667 đồng, lãi quá hạn là 2.988.666.667 đồng; nợ của Hợp đồng số 97 tiền gốc là 2.621.159.299 đồng, lãi trong hạn là 359.333.333 đồng, lãi quá hạn là 5.677.347.647 đồng; nợ của Hợp đồng số 61 tiền gốc là 1.350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 128.382.050 đồng, lãi quá hạn là 3.295.550.000 đồng là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với các điều 117, 463 và 466 của BLDS.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 135.143.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 92, Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần Thương binh A phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 28/7/2021 với tổng số tiền là 27.143.272.330 đồng; trong đó tổng nợ gốc là 8.371.159.299 đồng, tổng nợ lãi trong hạn là 964.915.384 đồng, tổng nợ lãi quá hạn là 17.807.197.647 đồng. Cụ thể: Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 09.13.264.89639.TD ngày 07/02/2013 tiền gốc là 3.050.000.000 đồng, lãi trong hạn là 280.933.333 đồng, lãi quá hạn là 5.845.633.333 đồng; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 98.12.264.89639.TD ngày 01/12/2012 tiền gốc là 1.350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 196.266.667 đồng, lãi quá hạn là 2.988.666.667 đồng; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 97.12.264.89639.TD ngày 30/11/2012 tiền gốc là 2.621.159.299 đồng, lãi trong hạn là 359.333.333 đồng, lãi quá hạn là 5.677.347.647 đồng; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 61.12.264.89639.TD ngày 31/7/2012 tiền gốc là 1.350.000.000 đồng, lãi trong hạn là 128.382.050 đồng, lãi quá hạn là 3.295.550.000 đồng.

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 29/7/2021 Công ty Cổ phần Thương binh A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay (Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

2. Đình chỉ yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Cổ phần Thương binh A phải nộp 135.143.000 đồng. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 62.184.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, biên lai số 0012997 ngày 14/01/2021.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng